

Số: /2025/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 mục II Phụ lục XII của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19/6/2015;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 mục II Phụ lục XII của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018, Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 và Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

“II. Sản phẩm động vật nhập khẩu:

1. Sản phẩm động vật sử dụng làm thực phẩm:

a) Đối với nhóm sản phẩm động vật có nguy cơ cao

a1) Lấy mẫu 100% lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm các chỉ tiêu tương ứng với loại sản phẩm động vật theo quy định tại điểm c khoản 1 phần II của Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

a2) Riêng đối với chỉ tiêu *Salmonella*, *E.coli* thực hiện lấy mẫu để kiểm tra, xét nghiệm theo tần suất như sau:

Lấy mẫu 03 lô hàng liên tiếp (của cùng một chủ hàng và cùng một quốc gia, vùng lãnh thổ) để kiểm tra, xét nghiệm. Nếu kết quả kiểm tra, xét nghiệm 03 lô hàng liên tiếp đạt yêu cầu, cứ 03 lô hàng tiếp theo chỉ lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm. Trường hợp phát hiện lô hàng không đạt yêu cầu thì áp dụng lấy mẫu của 03 lô hàng liên tiếp tiếp theo để kiểm tra, xét nghiệm.

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lấy mẫu tại cửa khẩu, kiểm tra thực trạng hàng hóa, cấp Giấy chứng nhận vận chuyển (Mẫu 14b) để chủ hàng vận

chuyển hàng về kho theo đề nghị của chủ hàng (kho phải đủ điều kiện để bảo quản hàng hóa); chủ hàng phải chịu trách nhiệm về việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa trong khi chờ thực hiện kiểm dịch. Trường hợp hàng hóa là sản phẩm động vật không thể lấy mẫu tại cửa khẩu thì cơ quan kiểm dịch cửa khẩu thực hiện lấy mẫu kiểm dịch tại kho bảo quản.

Riêng đối với sản phẩm động vật đông lạnh phải được lưu giữ tại khu vực cửa khẩu đến khi có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu.

b) Đối với nhóm sản phẩm động vật có nguy cơ thấp

Lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại điểm c khoản 1 phần II của Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này. Tần suất lấy mẫu để kiểm tra, xét nghiệm thực hiện như sau:

Cứ 05 lô hàng liên tiếp (*của cùng một chủ hàng và cùng một quốc gia, vùng lãnh thổ*) lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm; trường hợp phát hiện lô hàng không đạt yêu cầu tiến hành lấy mẫu của 03 lô hàng liên tiếp tiếp theo để kiểm tra, xét nghiệm và xử lý kết quả kiểm tra, xét nghiệm như quy định tại điểm a2 khoản 1 mục này.

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra thực trạng hàng hóa, lấy mẫu tại cửa khẩu hoặc tại kho hàng của chủ hàng đáp ứng yêu cầu (nếu có đề nghị của chủ hàng); chủ hàng phải chịu trách nhiệm về việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa trong khi chờ thực hiện kiểm dịch.

Các lô hàng không phải lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm: trong thời gian 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra hồ sơ và thực trạng hàng hóa, nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu cho lô hàng. Chủ hàng phải tự chịu trách nhiệm đối với hàng hóa nhập khẩu.”

c) Chỉ tiêu kiểm tra

STT	Loại sản phẩm	Chỉ tiêu kiểm tra
I.	Nhóm nguy cơ cao	
1.1.	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai.	Lở mồm long móng, Sảy thai truyền nhiễm; <i>Salmonella</i> , <i>E.coli</i>
1.2.	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của lợn.	Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu Phi; <i>Salmonella</i> , <i>E.coli</i>

1.3.	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của gia cầm, chim.	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xơn; <i>Salmonella</i> , <i>E.coli</i>
1.4.	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của các loài động vật khác không thuộc quy định tại điểm 1, 2 và 3 của nhóm nguy cơ cao.	Chỉ tiêu kiểm dịch theo thỏa thuận giữa Việt Nam và nước xuất khẩu
1.5.	Sữa tươi nguyên liệu.	Lở mồm long móng, Sảy thai truyền nhiễm
1.6.	Trứng gia cầm tươi.	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xơn; <i>Salmonella</i>
1.7.	Tổ yến chưa chế biến.	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xơn.
II.	Nhóm nguy cơ thấp	
2.1.	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt chế biến của trâu, bò, dê, cừu.	Lở mồm long móng
2.2.	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt chế biến của lợn.	Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu Phi
2.3.	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt chế biến của gia cầm, chim.	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xơn
2.4.	Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt chế biến của các loài động vật khác không thuộc quy định tại điểm 1, 2 và 3 của nhóm nguy cơ thấp.	Chỉ tiêu kiểm dịch theo thỏa thuận giữa Việt Nam và nước xuất khẩu
2.5.	Sữa và sản phẩm sữa chế biến.	<i>Salmonella</i>
2.6.	Trứng và sản phẩm trứng chế biến.	<i>Salmonella</i>

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Đối với các lô hàng đã nộp hồ sơ khai báo kiểm dịch nhập khẩu và đã được lấy mẫu để kiểm tra, xét nghiệm trước ngày thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ và lấy mẫu.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Chăn nuôi và Thú y) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Công báo Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng SPS Việt Nam;
- Sở NN& MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Các đơn vị trực thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y;
- Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh;
- Lưu: VT, CNTY.

BỘ TRƯỞNG

Đỗ Đức Duy